



THỰC HIỆN HIỆU QUẢ EUDR TẠI VIỆT NAM

Góc nhìn địa phương và khuyến nghị chính sách

*TS. Phạm Tuấn Anh, nguyên Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đắk Nông
Ông Thái Như Hiệp, Giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Hiệp*

Bối cảnh

Quy định của EU về sản phẩm không gây mất rừng (EUDR) đã có hiệu lực từ tháng 6/2023, đặt ra yêu cầu rất nghiêm ngặt về truy xuất nguồn gốc và đảm bảo được tính hợp pháp và không phá rừng đối với các mặt hàng nông lâm sản xuất khẩu sang EU. Tuy nhiên, việc tuân thủ EUDR gặp nhiều khó khăn trên thực tế, khiến EU đã hai lần lùi thời hạn áp dụng Quy định này. Gần đây nhất, EU quyết định hoãn thực thi EUDR thêm một năm. Thời hạn áp dụng mới sẽ là ngày 30/12/2026 đối với doanh nghiệp lớn và 30/6/2027 đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trì hoãn trong việc áp dụng là do các lo ngại về khả năng tuân thủ và sự chậm trễ trong hướng dẫn chi tiết từ Ủy ban Châu Âu. Việc gia hạn này cho thấy cả phía EU lẫn các quốc gia cung ứng như Việt Nam đều cần thêm thời gian chuẩn bị cho lộ trình EUDR.

Đối với Việt Nam, đặc biệt ở các vùng nông nghiệp trọng điểm như Tây Nguyên, EUDR vừa là thách thức kỹ thuật về truy xuất nguồn gốc, vừa là “phép thử” về năng lực quản trị ở cấp địa phương trong bối cảnh nông sản Việt ngày càng hội nhập sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đối với ngành cà phê, các tỉnh Tây Nguyên đang đứng trước yêu cầu cấp bách phải nâng cấp hệ thống quản lý vùng trồng và truy xuất nguồn gốc. Đây không chỉ là câu chuyện ứng phó với một quy định xuất khẩu, mà còn là cơ hội để địa phương thúc đẩy chuyển đổi sang nền nông nghiệp bền vững, minh bạch. Nói cách khác, EUDR đặt ra thách thức lớn nhưng cũng mở ra động lực để nâng cao năng lực quản trị nông nghiệp địa phương và minh bạch hóa chuỗi cung ứng.

Bản tin này tóm tắt những thách thức chính từ thực tiễn địa phương, phân tích các điểm nghẽn quản trị hiện nay, và đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm hỗ trợ các nhà hoạch định và chính quyền địa phương hành động hiệu quả, biến thách thức EUDR thành cơ hội phát triển. Các nội dung trong bản tin được Forest Trends tổng hợp từ các chia sẻ của Tiến sĩ Phạm Tuấn Anh, nguyên Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đắk Nông (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) và phần thảo luận của ông Thái Như Hiệp, giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Hiệp tại webinar **“Thực hiện hiệu quả EUDR tại Việt Nam trong tương lai: Từ góc nhìn địa phương”** do Mạng lưới Nghiên cứu chính sách nông lâm nghiệp tổ chức ngày 24/12/2025. Thông tin trong Bản tin này dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tích lũy từ việc triển khai các hoạt động chuẩn bị thích ứng EUDR tại vùng Tây Nguyên, đặc biệt tại tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, các bài học kinh nghiệm được chia sẻ bởi các diễn giả tại webinar và được tổng kết trong Bản tin này không chỉ có giá trị tham khảo đối với các địa phương nơi có các diện tích cà phê mà còn với cả các ngành hàng khác đang chịu sự quản lý của EUDR như gỗ, cao su nói riêng và các ngành hàng nông – lâm sản xuất khẩu khác nói chung, bởi việc truy xuất nguồn gốc đã dần trở thành yêu cầu bắt buộc từ các thị trường xuất khẩu.

Thách thức trong tuân thủ EUDR ở địa phương

Mặc dù mục tiêu của EUDR rất rõ ràng, việc triển khai tại các địa phương đang gặp phải nhiều thách thức. Một số thách thức cơ bản bao gồm:



Thiếu dữ liệu vùng trồng và hệ thống truy xuất



Sản xuất manh mún, thông tin phân mảnh



Chồng lấn vùng nguyên liệu, sai lệch dữ liệu đất đai



Thiếu cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp giữa các bên

- **Thiếu dữ liệu vùng trồng và hệ thống truy xuất:** Nhiều tỉnh hiện chưa có cơ sở dữ liệu tập trung về diện tích vùng trồng, bản đồ thửa đất và hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc đầy đủ. Thông tin về các diện tích sản xuất có chứng nhận bền vững như 4C, Rainforest Alliance tồn tại nhưng phân tán, không được tổng hợp vào một hệ thống dữ liệu chung. Hệ quả là để đáp ứng yêu cầu EUDR, doanh nghiệp và chính quyền địa phương phải tốn nhiều nguồn lực để xác định tọa độ, đo đạc từng thửa đất và truy xuất nguồn gốc cho từng lô hàng. Điều này dẫn đến chi phí rất cao và mất nhiều thời gian.
- **Sản xuất manh mún, thông tin phân mảnh:** Ở cấp cơ sở, quy mô sản xuất nhỏ lẻ và hệ thống canh tác xen canh phức tạp rất phổ biến. Tại Đắk Nông, mỗi hộ trồng cà phê chỉ có bình quân 1 - 1,5 ha, chia ra 2-3 thửa đất nhỏ rải rác. Tình trạng phân mảnh tương tự trên khắp Tây Nguyên, thậm chí manh mún hơn ở một số vùng khác như Sơn La. Chuỗi cung ứng thu mua nông sản qua nhiều tầng nấc trung gian khiến thông tin truy xuất từ nông hộ tới doanh nghiệp bị đứt gãy, gây khó khăn trong kiểm soát và truy xuất nguồn gốc. Điều này làm tăng tính phức tạp và rủi ro khi thực hiện EUDR.

- **Chồng lấn vùng nguyên liệu, sai lệch dữ liệu đất đai:** Ở nhiều nơi, ranh giới giữa đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp bị chồng lấn, hồ sơ địa chính và quy hoạch sử dụng đất không khớp với hiện trạng thực địa. Do EUDR yêu cầu đối chiếu tọa độ vùng trồng để xác minh sản xuất không có mất rừng sau ngày 31/12/2020, những bất cập về bản đồ và ranh giới này làm tăng rủi ro khai báo sai lệch dù người sản xuất không cố ý. Bên cạnh đó, việc quản lý các diện tích có nguồn gốc phá rừng sau mốc 31/12/2020 rất phức tạp, gây khó khăn cho địa phương trong khoanh vùng rủi ro.
- **Thiếu cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp giữa các bên:** Đây là điểm nghẽn quản trị điển hình hiện nay. Hiện chưa có cơ chế hay nền tảng để chính quyền, doanh nghiệp và người dân chia sẻ dữ liệu về vùng trồng. Mỗi đơn vị “cát cứ” thông tin riêng, dễ dẫn đến trùng lặp dữ liệu và thậm chí một thửa đất có thể được nhiều bên khai báo chồng chéo trong hệ thống EUDR. Điều này dẫn đến hệ quả không chỉ là rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp, mà còn ảnh hưởng đến uy tín ngành hàng, địa phương và xếp hạng rủi ro quốc gia. Do chính quyền địa phương thiếu thông tin về vùng trồng của các doanh nghiệp cùng hoạt động trên địa bàn mình quản lý nên không thể phát hiện việc chồng chéo về vùng nguyên liệu của các doanh nghiệp, và không hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp hoàn thiện cơ sở dữ liệu vùng trồng. Sự phân mảnh thông tin làm suy yếu năng lực ứng phó của địa phương trước yêu cầu EUDR, trực tiếp tạo ra rủi ro trong việc thích ứng.

Những thách thức trên cho thấy việc tuân thủ EUDR không chỉ đơn thuần là vấn đề kỹ thuật truy xuất mà còn là vấn đề thể chế quản trị ở cơ sở. Hiện tại, nhiều địa phương đang thiếu cả hạ tầng dữ liệu lẫn cơ chế phối hợp, dẫn đến trở ngại kép: vừa khó đáp ứng yêu cầu của EUDR, vừa khó đảm bảo tính minh bạch, công bằng giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị.

Từ thách thức thành cơ hội chiến lược

Đáp ứng với các yêu cầu của EUDR không chỉ là nghĩa vụ tuân thủ mà còn là động lực chiến lược để nâng cấp quản trị nông nghiệp và chuỗi cung ứng. Theo ông Thái Như Hiệp, doanh nghiệp nên nhìn nhận EUDR như một cơ hội: minh bạch truy xuất, đáp ứng yêu cầu thị trường và tích hợp các khía cạnh Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) sẽ giúp doanh nghiệp giảm rủi ro, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu gắn với nông hộ và địa phương. Minh bạch nguồn gốc có thể giúp xây dựng “câu chuyện” để nông sản Việt tiếp cận phân khúc cao hơn, dựa trên dữ liệu tin cậy.

Từ góc độ quản lý, ông Phạm Tuấn Anh nhấn mạnh EUDR có tiềm năng tạo cú hích để địa phương đẩy nhanh số hóa dữ liệu đất đai, xây dựng hệ thống truy xuất và thúc đẩy cạnh tranh bền vững. Đây không chỉ là đáp ứng EUDR mà còn là bước chuẩn bị để đáp ứng với các tiêu chuẩn cao hơn của các thị trường trong tương lai. Kinh nghiệm tại Đắk Nông cho thấy: nếu địa phương chuyển từ tư duy “kiểm soát” sang “đồng hành - chia sẻ” cùng với các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn, thực hiện EUDR hoàn toàn có thể trở thành cơ hội nâng tầm nông sản Việt, đồng thời cải thiện năng lực quản trị, thúc đẩy chuyển đổi số và minh bạch hóa chuỗi cung ứng trong tương lai.

Vai trò hỗ trợ của chính quyền địa phương

Trong bối cảnh EUDR, chính quyền địa phương giữ vai trò then chốt trong việc kết nối các nỗ lực truy xuất nguồn gốc và hỗ trợ doanh nghiệp. Với lợi thế gần dân và hiểu rõ vùng nguyên liệu, chính quyền địa phương có thể kết nối doanh nghiệp đầu tàu, nông hộ và các bên tham gia trong chuỗi cung ứng, thống nhất nguyên tắc chia sẻ dữ liệu và giảm chồng lấn vùng nguyên liệu giữa các doanh nghiệp. Chính quyền cũng nên là bên trung gian giúp cân bằng lợi ích và hỗ trợ xác minh chéo thông tin. Chính quyền cũng cần doanh nghiệp chủ động minh bạch về các hoạt động trong chuỗi bởi đây là yếu tố quyết định cho việc thích ứng. Doanh nghiệp cần đầu tư nâng cấp hệ thống truy xuất của mình, chủ động tích cực cung cấp thông tin vùng trồng cho cơ quan quản lý. Việc chia sẻ dữ liệu này nên được xem như một hình thức “bảo hiểm” để tự bảo vệ doanh nghiệp trước rủi ro thay vì nghĩa vụ áp đặt. Tuy nhiên, doanh nghiệp cũng có những lo ngại chính đáng khi chia sẻ dữ liệu, ví dụ như việc lộ thông tin kinh doanh, hoặc dữ liệu bị sử dụng cho mục đích ngoài EUDR. Do đó, vai trò của chính quyền là tạo dựng cơ chế tin cậy để giải tỏa những lo ngại này.

Ngoài hỗ trợ doanh nghiệp, chính quyền địa phương cũng cần hỗ trợ nhóm nông hộ nhỏ, tránh để họ đơn lẻ một mình với những rủi ro của thị trường. Chính quyền có thể đóng vai trò “bà đỡ”, giúp nông hộ tiếp cận chương trình hỗ trợ, đưa các diện tích vùng trồng của hộ, đặc biệt đối với các hộ chưa nằm trong liên kết sản xuất bền vững cùng với các doanh nghiệp, vào bản đồ vùng nguyên liệu để các hộ không bị bỏ lại phía sau. Thực hiện điều này vừa giúp bảo vệ quyền lợi của các nông hộ, vừa ngăn chặn những lỗ hổng có thể gây rủi ro cho ngành hàng.

Một câu hỏi quan trọng đặt ra ở đây là có nên luật hóa việc chính quyền địa phương là đầu mối quản lý dữ liệu vùng trồng hay không. Một số ý kiến lo ngại việc luật hóa sẽ hạn chế việc tự chủ trong các hoạt động liên kết với các nông hộ sản xuất. Một số ý kiến khác cho rằng việc luật hóa có thể hình thành cơ chế “xin-cho” và điều này cần hạn chế. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm thực tiễn, việc luật hóa có thể tăng thêm áp lực cho cả địa phương và doanh nghiệp. Thay vào đó, nên xây dựng cơ chế phối hợp cung cấp thông tin minh bạch, nơi dữ liệu được chia sẻ đúng mục đích và mọi bên cùng có lợi. Ví dụ, chính phủ có thể ban hành các nguyên tắc cam kết rằng dữ liệu doanh nghiệp chia sẻ chỉ được sử dụng để điều phối và quản lý rủi ro EUDR, không dùng cho mục đích khác. Đồng thời, chính phủ có thể bố trí hệ thống phân quyền dữ liệu theo lớp: doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu giữ quyền tiếp cận với dữ liệu chi tiết của mình, chỉ cung cấp những cơ bản như tọa độ địa lý, thông tin nông hộ để tổng hợp vào cơ sở dữ liệu do chính quyền làm đầu mối quản lý, phục vụ bản đồ vùng trồng và truy xuất nguồn gốc. Chính quyền giữ quyền quản lý dữ liệu và điều phối việc xây dựng vùng nguyên liệu giữa các doanh nghiệp hoạt động trong địa bàn.

Chính quyền địa phương nên coi doanh nghiệp là đối tác trong thực thi EUDR. Thay vì chỉ dùng “cây gậy” mệnh lệnh hành chính, chính quyền địa phương có thể đưa ra “củ cà rốt” khuyến khích sự chủ động từ doanh nghiệp. Chẳng hạn, doanh nghiệp tham gia cơ chế chia sẻ và điều phối được ghi nhận là đối tác thực hiện EUDR của địa phương, được ưu tiên tiếp cận các chương trình, dự án và được chính quyền địa phương đồng hành khi làm việc với đối tác quốc tế. Qua đó, chia sẻ dữ liệu trở thành một lợi thế hợp pháp, thay vì nghĩa vụ hành chính.

Tóm lại, chính quyền địa phương cần xây dựng một hệ sinh thái quản trị mà ở đó doanh nghiệp giảm được rủi ro và chi phí tuân thủ, người nông dân được hỗ trợ để không bị bỏ lại phía sau, và địa phương đạt mục tiêu phát triển bền vững.

Khuyến nghị chính sách

Để giúp các tỉnh thành vượt qua thách thức hiện tại và tận dụng tốt quãng thời gian gia hạn, một số khuyến nghị chính được đề xuất như sau:



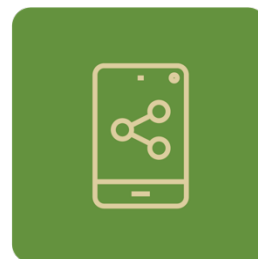
Hành động quyết liệt và chủ động



Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc



Cải thiện quản trị và phân định rõ vai trò các bên



Thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu minh bạch, gắn với lợi ích

- **Hành động quyết liệt và chủ động:** Chính quyền địa phương cần tranh thủ việc EUDR hoãn thời gian thực hiện thêm một năm để bắt tay hành động ngay, nhằm nâng cao mức độ sẵn sàng cho các yêu cầu của EUDR. Việc chờ hướng dẫn chi tiết từ trung ương hoặc EU không nên đồng nghĩa với trì hoãn ở địa phương. Ngược lại, chính quyền địa phương cần phối hợp với doanh nghiệp, chủ động thí điểm các giải pháp truy xuất và quản lý vùng trồng ngay từ bây giờ.
- **Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc:** Hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc cho toàn bộ vùng nguyên liệu phải được coi là nhiệm vụ cấp bách và lâu dài. Địa phương cần đẩy nhanh số hóa dữ liệu đất đai và lập bản đồ số cho toàn bộ vùng trồng, gắn với thông tin từng thửa đất (tọa độ, chủ sử dụng, lịch sử canh tác, vv.). Song song, xây dựng một cơ sở dữ liệu tập trung để quản lý và truy vết hành trình nông sản từ nông hộ đến khâu xuất khẩu, tích hợp dữ liệu từ các nền tảng chứng nhận sẵn có (4C, Rainforest Alliance...) và bao quát cả những nông hộ chưa tham gia các mô hình sản xuất có chứng chỉ bền vững.
- **Cải thiện quản trị và phân định rõ vai trò các bên:** Về mặt thể chế, cần tái cấu trúc cách thức phối hợp giữa các bên liên quan dựa trên sự tin cậy và minh bạch, thay vì chỉ dựa vào mệnh lệnh hành chính. Các bên tham gia chuỗi cung cần làm rõ vai trò của từng chủ thể chính trong chuỗi: chính quyền địa phương đóng vai trò trung gian điều phối, tạo sân chơi công bằng và bảo vệ lợi ích chung; doanh nghiệp chủ động tuân thủ và chia sẻ thông tin vùng trồng với cơ quan quản lý; nông dân và hợp tác xã tuân thủ quy hoạch và tham gia các hệ thống truy xuất, chứng nhận do địa phương và doanh nghiệp hỗ trợ. Trên cơ sở phân vai đó, các bên cần thiết lập và đồng thuận về kênh trao đổi thống nhất giữa chính quyền và doanh nghiệp để nhất quán về cách thức triển khai và kỳ vọng của mỗi bên, qua đó tránh hiểu lầm và tăng cường phối hợp công - tư trong thực thi EUDR. Thành công của EUDR trong tương lai sẽ phụ thuộc rất lớn vào mức độ phối hợp đa bên và năng lực quản trị ở cấp địa phương - nơi các yêu cầu chính sách được hiện thực hóa trong thực tiễn.
- **Thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu minh bạch, gắn với lợi ích:** Chính quyền địa phương nên là đầu mối để xây dựng một nền tảng dữ liệu dùng chung hoặc ban hành quy chế phối hợp để chia sẻ thông tin về vùng nguyên liệu giữa các bên một cách minh bạch, thống nhất. Cơ chế này nhằm tránh tình trạng mạnh ai nấy làm, giảm thiểu chông chéo dữ liệu và bảo đảm mọi bên đều có thông tin cần thiết để thực hiện phần việc của mình. Chính phủ cần sớm ban hành

hướng dẫn về nguyên tắc sử dụng và bảo mật thông tin EUDR, để doanh nghiệp an tâm rằng dữ liệu chia sẻ được sử dụng đúng mục đích và được bảo vệ quyền lợi.

Kết luận

EUDR không chỉ là một yêu cầu xuất khẩu - đó còn là cơ hội để địa phương tự đánh giá và nâng cao năng lực quản trị ngành hàng. Những khó khăn trong thực thi EUDR ở cấp cơ sở đã chỉ ra các hạn chế cố hữu mang tính chất hệ thống: hạ tầng dữ liệu còn yếu, thiếu cơ chế phối hợp, phương thức quản lý còn phân tán. Nếu các hạn chế này không sớm được giải quyết, việc tuân thủ EUDR trong tương lai sẽ rất khó khăn, đồng thời dễ phát sinh hệ lụy cho phát triển nông nghiệp bền vững. Ngược lại, nếu biết tận dụng EUDR như một cú hích cải cách, các địa phương có thể đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản lý đất đai và truy xuất nguồn gốc, hướng đến nền nông nghiệp minh bạch và có trách nhiệm hơn.

Việc EU gia hạn thêm một năm là cơ hội để Việt Nam tăng tốc chuẩn bị. Thời gian không còn nhiều. Hành động quyết liệt ngay từ bây giờ sẽ quyết định chúng ta có biến thách thức thành cơ hội hay không. Ba ưu tiên cần tập trung trong thời gian tới bao gồm: hành động sớm và chủ động, phát triển hệ thống truy xuất, và đổi mới quản trị dựa trên hợp tác phân vai rõ ràng giữa các bên tham gia chuỗi cung. Khi chính quyền địa phương thực sự nhập cuộc với tinh thần kiến tạo, điều phối và đồng hành cùng doanh nghiệp, đồng thời doanh nghiệp và người dân cùng đồng lòng, các ngành hàng hoàn toàn có thể đáp ứng yêu cầu EUDR. Điều này sẽ giúp nâng tầm nông sản Việt trên thị trường quốc tế, bảo vệ được tài nguyên rừng và sinh kế người dân một cách bền vững.

